

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh mục văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và
nội dung được giao quy định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 192/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 ban hành Quy chế xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp thành phố tại Tờ trình số 3371/TTr-STP ngày 14 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố quy định chi tiết và nội dung được giao quy định (có Danh mục cụ thể kèm theo).

Điều 2. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí xây dựng và trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật được bố trí từ ngân sách thành phố theo định mức quy định tại: Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND ngày 20/4/2026 quy định nội dung chi, mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng, Quyết định số 49/2026/QĐ-CTUBND ngày 23/6/2026 quy định

nội dung chi, mức chi và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Ngoài định mức quy định, cơ quan chủ trì căn cứ khả năng nguồn kinh phí đã được giao, bố trí một khoản kinh phí từ nguồn ngân sách chi thường xuyên để hỗ trợ các hoạt động có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Sở Tài chính bố trí kinh phí theo định mức quy định và hướng dẫn cơ quan chủ trì lập dự toán, quyết toán và quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật, bảo đảm kinh phí để các cơ quan hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm phân công đơn vị, cá nhân thực hiện soạn thảo, đánh giá tác động, tổ chức lấy ý kiến và trình ban hành văn bản theo quy định của pháp luật, đúng thời hạn đã được phê duyệt tại Quyết định này.

2. Sở Tư pháp:

a) Hướng dẫn các cơ quan chủ trì thực hiện việc soạn thảo, đánh giá tác động, lấy ý kiến tham gia, thẩm định và trình ban hành theo quy định.

b) Khi cần điều chỉnh, bổ sung danh mục văn bản nêu trên: Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, cơ quan chủ trì báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

c) Thực hiện chế độ báo cáo, thông tin về tình hình, tiến độ thực hiện theo quy định của pháp luật.

d) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố theo dõi, đôn đốc kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan chủ trì, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan chủ trì, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp;
- TTTU; TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Đoàn ĐBQH TP Hải Phòng;
- Báo và phát thanh, truyền hình HP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Công TTĐTTP; Công báo TP;
- Các Phòng, ban, đơn vị thuộc VP UBND TP;
- Lưu: VT, N.T.Dung.

CHỦ TỊCH



Đỗ Thành Trung

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
 QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC GIAO QUY ĐỊNH; TRÌNH TỰ, THỦ TỤC**
 (Kèm theo Quyết định số **2238/QĐ-UBND** ngày **23 /7/2026** của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)



STT	TÊN VĂN BẢN GIAO QUY ĐỊNH VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH	ĐIỀU, KHOẢN, ĐIỂM (NỘI DUNG GIAO QUY ĐỊNH CHI TIẾT)	TÊN VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT HOẶC NỘI DUNG GIAO QUY ĐỊNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH	TRÌNH TỰ, THỦ TỤC
1.	Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp	Khoản 3 Điều 40 quy định: <i>“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và ban hành tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật của trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh trong phạm vi quản lý; là cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh trong phạm vi quản lý”.</i>	Quyết định ban hành tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật của trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh trên địa bàn thành phố Hải Phòng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương có liên quan	Tháng 10/2026	Thông thường

	sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo						
2.	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2026/QH16 (Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2026)	Khoản 3 Điều 1 (Sửa đổi, bổ sung Điều 12 Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15) quy định: “Bộ, ban, ngành, tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chi tiết, hướng dẫn thủ tục cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ, ban, ngành, tỉnh và của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ, ban, ngành, tỉnh”. Điểm đ khoản 18 Điều 1 (Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15) quy định: “Bộ, ban, ngành, tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể tiêu chuẩn xét tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh	Quyết định ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Hải Phòng	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan	Tháng 11/2026	Thông thường

		đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình”. Điểm b khoản 19 Điều 1 (Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 75 Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15) quy định: “Bộ, ban, ngành, tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể tiêu chuẩn xét tặng giấy khen đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình”. Điểm d khoản 24 Điều 1 (Bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7 Điều 84 Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15) quy định: “8. Bộ, ban, ngành, tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình: a) Quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ, ban, ngành, tỉnh và của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, ban, ngành, tỉnh; b) Quy định					
--	--	---	--	--	--	--	--

		chi tiết, hướng dẫn thủ tục điều chỉnh thông tin quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ, ban, ngành, tỉnh và của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ, ban, ngành, tỉnh; c) Quy định việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể thuộc thẩm quyền quản lý; d) Quy định việc công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến, phạm vi ảnh hưởng của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo”. Điểm b khoản 28 Điều 1 (Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 90 Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15) quy định: “6. Bộ, ban, ngành, tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chi tiết, hướng dẫn tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ, ban, ngành, tỉnh và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản					
--	--	---	--	--	--	--	--

		<i>lý của Bộ, ban, ngành, tỉnh”.</i> Điểm b khoản 29 Điều 1 (Bổ sung khoản 10 vào sau khoản 9 Điều 93 Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15) quy định: “10. Bộ, ban, ngành, tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chi tiết, hướng dẫn thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng, thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ, ban, ngành, tỉnh và của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, ban, ngành, tỉnh”.					
3.	Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ	Khoản 5 Điều 16 quy định: “Căn cứ quy định của Nghị định này và điều kiện thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và việc quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách ở	Quyết định ban hành quy định cụ thể về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và việc quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan	Tháng 8/2026	Thông thường

	dân phố (Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/5/2026)	thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố”.					
4.	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026)	Khoản 24 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 99 Luật Giáo dục số 123/2025/QH15) quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học, quyết định danh mục và mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục do địa phương quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều này”	Quyết định quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trong cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan	Tháng 8/2026	Thông thường
	Nghị định số 66/2026/NĐ-CP ngày 02/3/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục (có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2026)	Khoản 4 Điều 13 quy định: “Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo như sau: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành					

		phổ quyết định chi tiết danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với dịch vụ tuyển sinh, các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trong cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương”					
--	--	---	--	--	--	--	--